TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/**2017/DS - ST
Ngày: 15- 12 - 2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cái Thị Minh Tâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp

2. Ông Phạm Văn Phùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu , tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2017/TLST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXX- ST ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 44, khu phố 4, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: + Anh Dương Văn V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Ngô Tuấn A, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh C, anh V và anh A có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của chị T anh Diệp Văn C trình bày:

Vào ngày 21/6/2017, chị T có cho anh Dương Văn V và anh Ngô Tuấn A mượn số tiền 566.000.000 (năm trăm sáu mươi sáu triệu) đồng, thỏa thuận đến ngày 21/7/2017 trả. Tuy nhiên, đến nay anh V và anh Tuấn A không trả tiền cho chị, chị T cũng nhiều lần đến nhà yêu cầu anh V và anh Tuấn A trả số tiền trên nhưng anh V và anh Tuấn A cố tình không trả mà còn thách thức chị thưa kiện. Khi vay tiền thì anh V có giao cho chị T 01 giấy phép lái xe hạng A1 của anh V để làm tin.

Nay chị T yêu cầu anh Dương Văn V và anh Ngô Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 566.000.000 (năm trăm sáu mươi sáu triệu) đồng và lãi suất chậm trả theo lãi suất quy định của nhà nước, tính từ ngày 21/6/2017 cho đến ngày 04/8/2017 là 19.000.000 đồng. Tổng cộng chị yêu cầu số tiền cả gốc và lãi là 585.000.000 (năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

- ***Theo bị đơn anh Dương Văn V trình bày:***

Anh V thừa nhận có mượn tiền của chị T như người đại diện theo ủy quyền của chị T trình. Tuy nhiên, số tiền trên chỉ có 380.000.000 đồng tiền vay gốc, còn lại là tiền lãi, anh V mượn qua nhiều lần cũng trả lãi rất nhiều. Khi vay có hẹn đến khi vay được tiền của Ngân hàng thì trả lại số tiền trên nhưng đến nay do chưa vay được nên chưa trả hết nợ cho chị T được.

Do không quen biết với chị T nên anh có nhờ anh Ngô Tuấn A đứng ra bảo lãnh để vay số tiền trên. Nay anh đồng ý trả số tiền trên cho chị T.

- ***Theo bị đơn anh Ngô Tuấn A trình bày:***

Do có quen biết với chị T nên anh Tuấn A có giới thiệu anh V đến nhà chị T vay tiền. Vào giữa tháng 11/2016, anh Tuấn A có dẫn anh V đến nhà chị T giới thiệu cho anh V vay chị T số tiền 120.000.000 đồng thì chị T đồng ý cho vay. Đến tết năm 2017 anh V có đưa cho anh số tiền 15.000.000 đồng để trả lãi cho chị T, sau đó anh V có sang mượn thêm số tiền 260.000.000 đồng. Đến ngày 15/5/2017 anh V chưa trả được lãi và gốc thì tổng số tiền lên đến 498.370.000 đồng, chị T có nói chị tính ba phẩy cho nên anh V phải ghi số nợ là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) chẵn và chị T bắt anh phải ký vào với tư cách người vay, anh không đồng ý. Nhưng do anh V có nhờ anh ký tên để vay tiền nên anh cũng ký. Sau đó đến ngày 21/6/2017 thì số tiền này cả gốc và lãi lên đến 566.000.000 đồng và chị T lại yêu cầu anh đứng ra làm chứng và ký tên vào giấy nợ thì mới cho vay và anh lại ký tên.

Toàn bộ số tiền này anh không sử dụng, chỉ có mình anh V sử dụng, anh chỉ là người đứng ra làm chứng nên anh không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên toà:

Anh C đại diện ủy quyền cho chị T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử 15/12/2017 và giữ nguyên yêu cầu anh V và anh Tuấn A cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 566.000.000 đồng cho chị T. Cụ thể mỗi người trả 283.000.000 đồng và lãi suất tương ứng. Riêng số tiền của anh V nếu không trả thì yêu cầu anh Tuấn A phải trả nợ thay cho anh V.

Anh V đồng ý trả toàn bộ số tiền trên cho chị T, xin trả dần 366.000.000 đồng trong vòng 02 tháng, số tiền còn lại ra tết sẽ trả hết cho chị T. Không đồng ý để anh Tuấn A trả số tiền trên vì thực tế số tiền này là anh V mượn và trực tiếp nhận số tiền trên để sử dụng, anh Tuấn A không nhận số tiền trên chỉ giới thiệu và ký tên bảo lãnh cho anh V vay tiền thôi. Anh yêu cầu chị T trả lại giấy phép lái xe cho anh.

Anh Tuấn A xác nhận anh V có nợ chị T tổng số tiền 566.000.000 đồng gốc và lãi nhưng không đồng ý trả nợ cho chị T vì số tiền trên do anh V mượn và sử dụng, anh Tuấn A chỉ giới thiệu và chứng kiến việc vay tiền của anh V và chị T nên anh Tuấn A không đồng ý cùng anh V có trách nhiệm trả số tiền trên cho chị T.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật k hi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc anh V và anh Tuấn A có trách nhiệm liên đới trả số tiền 597.130.000 đồng. Trong đó gốc 566.000.000 đồng, lãi đến ngày 15/12/2017 là 31.130.000 đồng. Anh Tuấn A và anh V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Điều luật áp dụng: Do giao dịch dân sự được các đương sự thỏa thuận và thực hiện sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Chị T và người đại diện ủy quyền của chị T yêu cầu anh Ngô Tuấn A có trách nhiệm liên đới cùng anh Dương Văn V hoàn trả cho chị T số tiền 566.000.000 (năm trăm sáu mươi sáu triệu) đồng, mỗi người trả 283.000.000 đồng (một nửa) và lãi suất theo quy định thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào chứng cứ là giấy nợ ngày 21/6/2017 (bút lục 25) thể hiện do các bên trình bày thống nhất là giấy nợ do anh Dương Văn V viết, toàn bộ nội dung trong giấy nợ: "Tôi tên" Dương Văn V cùng anh Ngô Tuấn A; "Hiện tôi có mượn của chị T số tiền là,

566.000.000 đ…". Thể hiện anh V cùng anh Tuấn A có mặt nhưng chỉ có anh V là "Tôi" hiện còn nợ chị T số tiền 566.000.000 đồng và hẹn ngày trả, nội dung giấy nợ chỉ thể hiện chỉ có "Tôi" là anh V mượn tiền của chị T, không thể hiện việc anh Tuấn A mượn tiền nếu anh Tuấn A cùng mượn tiền thì nội dung giấy nợ sẽ thể hiện "Hiện chúng tôi có mượn…". Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh C đại diện cho chị T trình bày, chị T chỉ quen biết với anh Tuấn A không quen biết anh V, anh Tuấn A cũng có mượn tiền riêng của chị T, nếu không có anh Tuấn A thì chị T không cho anh V mượn tiền, anh C cũng trình bày trong giấy nợ trên anh Tuấn A ký vào giấy nợ với hai tư cách là vừa người mượn tiền và là người bảo lãnh, số tiền mỗi người mượn một nửa là 283.000.000 đồng nhưng trong giấy nợ không thể hiện như lời trình bày của anh C, không thể hiện số tiền mỗi người mượn là bao nhiêu và khi ký thì cũng không thể hiện là ký bảo lãnh hay ký vay mượn, cũng chính anh C trình bày tại phiên tòa là anh Tuấn A có mượn tiền riêng của chị T, như vậy nếu muốn mượn tiền thì anh Tuấn A trực tiếp mượn chị T bằng một giấy nợ riêng mà không cần mượn chung với anh V mà không biết số nợ của mình mượn là bao nhiêu. Theo lời trình bày của anh V, anh thừa nhận số tiền trên anh có mượn chị T, anh đồng ý trả theo yêu cầu của chị T nhưng chỉ một mình anh V mượn không liên quan đến anh Tuấn A, do anh V không quen biết chị T nên anh Tuấn A có giới thiệu và bảo lãnh cho anh vay số tiền trên nếu không có anh Tuấn A thì chị T không cho anh vay, điều này phù hợp với lời trình bày của anh C là anh Tuấn A có bảo lãnh và nếu không có anh Tuấn A thì chị T không cho anh V vay tiền, cũng phù hợp với lời trình bày của anh Tuấn A là thừa nhận anh V có mượn của chị T số tiền 566.000.000 đồng nên lời trình bày của anh V là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với lời trình bày của anh Tuấn A cho rằng, anh ký vào giấy mượn nợ là chỉ chứng kiến thôi không liên quan đến việc mượn nợ của anh V là không có cơ sở vì do có mối quan hệ quen biết của anh Tuấn A và chị T, có anh ký bảo lãnh thì chị T mới cho anh V vay tiền là phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nếu là ký chứng kiến thì phải ghi người chứng kiến.

Đối với yêu cầu của anh V yêu cầu chị T trả lại giấy phép lái xe hạng A1 có số V583736 do anh Dương Văn V đứng tên cấp ngày 25/4/2005 cho anh V thì thấy rằng anh V mượn tiền của chị T là do sự thỏa thuận của hai bên và có làm biên nhận nợ, trong giấy nợ không thể hiện anh V có đồng ý thế chấp giấy tờ gì cho chị T và anh V cũng chỉ đồng ý giao bằng lái xe cho chị T làm tin. Tại Tòa, anh C chỉ đồng ý trả lại giấy xe cho anh V khi anh V và anh Tuấn A cùng liên đới trả số tiền nợ trên cho chị T, việc chị T giữ giấy phép lái xe của anh V là không phù hợp. Cần buộc chị T có trách nhiệm trả lại giấy xe cho anh V theo quy định.

Đối với yêu cầu tính lãi của anh C đại diện cho chị T, tại phiên tòa anh yêu cầu tính theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Lãi được tính như sau: Từ ngày 21/6/2017 đến ngày 15/12/2017 là 5 tháng 24 ngày * lãi suất 0,83%/tháng * 566.000.000 đồng = 27.247.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

[4] Về án phí : Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Anh Dương Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 336; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Dương Văn V và anh Ngô Tuấn A.

Buộc anh Dương Văn V có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 593.247.000 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 566.000.000 đồng; lãi 27.247.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 15/12/2017. Trong trường hợp anh V không trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho chị T thì anh Ngô Tuấn A phải có nghĩa vụ trả thay cho anh V đối với số nợ anh V còn nợ chị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Dương Văn V 01 giấy phép lái xe hạng A1 số V583736 do anh Dương Văn V đứng tên cấp ngày 25/4/2005.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T buộc anh Ngô Tuấn A cùng liên đới trả số tiền 593.247.000 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 566.000.000 đồng; lãi 27.247.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 15/12/2017.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V, anh Tuấn A không chịu trả số tiền nêu trên , thì hàng tháng anh V, anh Tuấn A còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Anh Dương Văn V phải chịu 27.729.800 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn tám trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 13.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0024557 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

"Trường hợp , bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Báo cho chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn V, anh Ngô Tuấn A biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm